

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/DS-PT

Ngày 20-5-2025

V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Mạnh Cường.

Các Thẩm phán: ông Lâm Anh Luyện, ông Bùi Văn Đàm.

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Đức Trung - Thư ký viên, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: bà Vương Thị Chiêm - Kiểm sát viên.

Ngày 16/5/2025 và ngày 20/5/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 22/2024/TLPT-DS ngày 16/10/2024 về việc “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2024/DSTC-ST ngày 05/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang bị kháng cáo theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐ-PT ngày 17/01/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Lệnh Thị T, sinh năm 1975, địa chỉ: thôn N, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Hà Giang, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: ông Lương Thành Đ, bà Nguyễn Thanh H - Luật sư Công ty L4, Đoàn luật sư thành phố H, địa chỉ: Tòa H, KĐT L, phường H, quận Đ, thành phố Hà Nội, có mặt bà H, vắng mặt ông Đ (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: ông Lệnh Hậu Đ1, sinh năm 1958, địa chỉ: thôn N, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Hà Giang, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: ông Ngô Trung K - Luật sư, Văn phòng L5 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh H; Địa chỉ 283, đường N, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: anh Lệnh Thế Đ2, sinh năm 1990, địa chỉ: thôn N, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Hà Giang, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: anh Lệnh Thế Đ3, sinh năm 1979, địa chỉ: Thôn N, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Hà Giang, có mặt.

- Người kháng cáo: nguyên đơn chị Lệnh Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 03/12/2020 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lệnh Thị T trình bày:

Do vợ chồng ông Lệnh Hậu T1 và bà Lục Thị U không có con đẻ nên vào năm 1979 đã nhận chị về làm con nuôi khi được 4 tuổi, chị sinh sống cùng bố mẹ nuôi đến năm 1994 sau đó đi lấy chồng tại huyện C, tỉnh Tuyên Quang và sinh được 01 con gái. Vào tháng 02/2005, chị ly hôn sau đó hai mẹ con quay lại về sống cùng ông T1, bà U, đến tháng 10/2005 ông T1 dựng 01 ngôi nhà tạm trên đất của gia đình để hai mẹ con chị sinh sống, sau đó ông có cho chị một số thửa đất để chị canh tác, còn vợ chồng ông T1, bà U vẫn tự lo kinh tế riêng, vẫn tự lao động sản xuất trên đất của ông bà, có lúc chị sang giúp đỡ công việc cho bố mẹ nuôi. Vào ngày 23/12/2009 ông T1 và bà U có lập di chúc, nội dung di chúc để lại toàn bộ tài sản nhà ở, đất cho chị gồm:

Đất thổ cư diện tích giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK064412; nhà sàn gỗ 3 gian; các phương tiện đồ dùng trong nhà; các loại cây ăn quả; gia súc, gia cầm; vườn rừng; đất giao khoán gồm 17 thửa kèm theo các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số AK064411, AK064413, AK064436; đất trồng lúa GCNQSDĐ số AK64435, AI361071, AK 064434; đất nương trồng ngô GCNQSDĐ số AK064356, AK 064355.

Ngoài ra, trong di chúc có nội dung: người được hưởng di sản có trách nhiệm chăm sóc, phụng dưỡng hai vợ chồng ông T1, bà U đến khi qua đời và phúng viếng, thờ cúng sau này. Khi lập di chúc vợ chồng ông T1 có mời 03 người làm chứng là ông Nguyễn Đình K1, ông Hạng Mí V là hàng xóm, còn bà Lục Thị N là cháu bà Lục Thị U có mặt, ông Nguyễn Đình K1 là người soạn thảo di chúc, tuy nhiên do bị tẩy xóa nhiều nên có nhờ cháu Ma Thị T2 (con gái chị) là người chép lại. Sau đó vợ chồng ông T1 và những người có mặt ký vào di chúc, thời gian sau chị có mang di chúc đến UBND thị trấn T đề nghị đóng dấu xác nhận. Sau khi lập di chúc xong ông T1 có giao toàn bộ GCNQSDĐ cho chị quản lý.

Đến tháng 5 năm 2010, ông Lệnh Hậu T1 đột ngột qua đời (do treo cổ tự tử), khi đó chị không có mặt, khi biết tin chị quay về thì gia đình ông Lệnh Hậu Đ1 và anh em, dòng họ đang tổ chức làm ma, chị có vào chịu tang thì gia đình ông Đ1 và mọi người ngăn cản, sau đó không cho chị T đến ở cùng và chăm sóc bà U mà anh L Thế Điều và gia đình ông Đ1 chăm sóc đến ngày 26/03/2015 thì bà U chết. Từ khi ông T1 chết không được canh tác trên đất của bố mẹ nuôi nên năm 2020 chị đã làm đơn đến Tòa án để yêu cầu ông Lệnh H1 Điện trả lại tài sản theo di chúc mà ông T1, bà U đã để lại cho chị, bao gồm:

- Ngôi nhà sàn ba gian hai trái dựng trên diện tích đất có GCNQSDĐ số AK 064412.
- Đất vườn rừng tại thôn N, thị trấn T, huyện Q diện tích 5.365m².
- Diện tích đất có GCNQSDĐ số AK064412 gồm 08 thửa, tổng diện tích 958m²; địa chỉ thửa đất tại thôn N, thị trấn T, huyện Q.

- Diện tích đất có GCNQSDĐ số AK064411 gồm 03 thửa đất LUK, tổng diện tích 577,3m².

- Diện tích đất có GCNQSDĐ số AK064413 gồm 03 thửa đất LUK, tổng diện tích 537m².

- Diện tích đất có GCNQSDĐ số AK064436 gồm 09 thửa đất LUK, tổng diện tích 2.267,4m².

- Diện tích đất có GCNQSDĐ số AK064435 gồm 02 thửa đất LUK, tổng diện tích 823,8m².

- Diện tích đất có GCNQSDĐ số AI 361071 đất LUA diện tích 128m².

- Diện tích đất có GCNQSDĐ số AK064434 gồm 03 thửa đất LUK, tổng diện tích 239,9m².

- Diện tích đất có GCNQSDĐ số AK064356 gồm 02 thửa đất (thửa 150 và 300 tờ bản đồ số 46, tổng diện tích 1139,9m²).

Tại giai đoạn xét xử sơ thẩm lần 1 chị T yêu cầu ông Đ1 bồi thường thiệt hại: về ngôi nhà 3 gian: Ván bung, hiên buồng; cây xà dầm, cây dài bằng tre; cột nhà cũ, công thợ lắp giáp, công trình xuống cấp; chuồng trâu và chuồng lợn bị hư hỏng có tổng giá trị là 180.000.000 đồng. Tổng thu thóc lúa 01 năm 76 bao = 28.000.000 đồng x 12 năm (không được sử dụng đất) = 336.000.000 đồng. Trừ chi phí sản xuất yêu cầu bồi thường 1/3 số tiền = 112.000.000 đồng. Tổng số tiền nguyên đơn yêu cầu bồi thường là 277.000.000 đồng.

Tại bản án sơ thẩm 02/2022/DS-ST ngày 30/12/2022 đã chấp nhận một phần đơn khởi kiện và công nhận di chúc ngày 23/12/2009 là hợp pháp. Sau đó chị có đơn kháng cáo, bản án phúc thẩm số 06/2023/DS-PT ngày 28/3/2023 hủy bản án sơ thẩm số 02/2022/DS-ST với nội dung xác định quan hệ tranh chấp theo đơn khởi kiện là đòi lại tài sản là di sản thừa kế và chưa xác minh, thu thập chứng cứ để xác định bản di chúc nào có hiệu lực.

Sau khi tự thu thập chứng cứ diện tích đất tại thửa đất 150 tờ bản đồ số 46, GCNQSDĐ số AK 064356 là do bà Lục Thị U đã chuyển nhượng cho vợ chồng ông Hoàng Đức D và bà Séo Thị X, ngày 23/01/2024, chị có đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện gồm: Không đề nghị giải quyết thửa đất 150 tờ bản đồ số 46 trong GCNQSDĐ số AK 064356, do bà U là người chuyển nhượng và rút yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt hại tổng số tiền là 277.000.000 đồng.

Ngày 11/3/2024, chị T có đơn thay đổi nội dung khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được thừa hưởng toàn bộ tài sản theo di chúc mà ông T1 và bà U đã lập ngày 23/12/2009 (trừ thửa đất số 150 bà U đã chuyển nhượng cho ông Hoàng Đức D và bà Séo Thị X). Không chấp nhận nội dung phản tố của bị đơn cho rằng chị vi phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng và không chấp nhận các chứng cứ bị đơn đưa ra gồm: Biên bản họp gia đình về con nuôi của anh em gia đình ông T1 có chữ ký và Uời ngày 12/7/2010 và di chúc của bà U lập ngày 01/10/2010 để lại toàn bộ tài sản cho anh Lệnh Thế Đ3 (con trai ông Đ1) với lý do lúc đó bà U lúc đó không còn minh mẫn, tỉnh táo để lập di chúc, mà do ý chí của ông Đ1 và anh em gia đình lập ra vào năm 2020 nhằm được hưởng tài sản của bố nuôi chị để lại. Lúc đó chị có nộp bản di chúc lên UBND thị trấn để làm thủ tục thì gia đình ông Đ1 mới có thông tin như bản di chúc của ông T1 đã lập năm 2009.

Ngoài ra, chị thừa nhận sau khi ông T1 chết bà U ở cùng gia đình ông Đ1, anh Đ3 cho đến khi chết vào năm 2015. Lý do chị không chăm sóc bà U là do gia đình ông Đ1 đã ngăn cản, khi bà U chết cũng do ông Đ1 đứng ra làm ma và chăm sóc phần mộ sau này. Về tài sản của ông T1, bà U để lại do ông Đ1 và anh Đ3 quản lý, sử dụng từ đó cho đến nay, chị chỉ được sử dụng 01 thửa đất có GCNQSDĐ số AK 064355 gồm 02 thửa đất LUK, tổng diện tích 823,8m².

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lệnh Hậu Đ1, người đại diện theo uỷ quyền anh Lệnh Thế Đ2 cùng trình bày:

Quá trình chị T về làm con nuôi nhưng cũng không giúp được gì vợ chồng ông T1, bà U, thậm trí còn để lại những điều tiếng không hay làm phiền lòng đến bố mẹ nuôi đã có công sức nuôi nấng chị trưởng thành, bố anh và anh em họ hàng đều biết. Thực tế từ khi về làm con nuôi ông T1, bà U lúc còn nhỏ được vợ chồng ông T1, bà U chăm sóc, nuôi dưỡng khi lớn lên khoảng 18 - 20 tuổi chị tự bỏ đi lấy chồng, vợ chồng ông T1 không đồng ý nên cũng không cưới xin gì, sau 10 năm chị quay về cùng con gái, lúc này ông T1 bà U không cho ở chung, sau thời gian ngắn làm ngôi nhà nhỏ cho mẹ con chị sinh sống, còn ông T1 bà U tự lo cuộc sống của mình, khi ông T1 đột ngột qua đời (treo cổ tự tử) thấy rằng có nguyên nhân do chị T lấy trộm GCNQSDĐ của ông dẫn đến ông tự vẫn, nên gia đình, dòng họ không cho chị vào chịu tang, việc lo tang lễ do bà U và anh em gia đình anh đứng ra lo liệu. Sau đó đến tháng 7/2010 bà U họp gia đình cùng anh em ruột ông T1 thống nhất không chấp nhận chị T làm con nuôi và giao cho anh anh Lệnh Thế Đ3 là con trai của bố anh đến ở cùng và chăm sóc, đến ngày 01/10/2010 bà U lập di chúc để lại toàn bộ tài sản, nhà cửa cho anh Đ3 được hưởng. Hiện nay bố anh, anh Đ3 vẫn đang canh tác và sinh sống trên các diện tích đất mà nguyên đơn đã nêu ở trên. Hiện nay bố anh là ông Lệnh Hậu Đ1 không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc được hưởng di sản của ông T1, bà U để lại theo di chúc bởi vì chị T không có trách nhiệm phụng dưỡng bố mẹ nuôi, hơn nữa trong số tài sản của ông T1, bà U có các thửa đất của bà Lương Thị L1 là mẹ đẻ ông để lại gồm: GCNQSDĐ số AK 064435 gồm 02 thửa đất 1100 và 1102 tổng diện tích 823,8m²; GCNQSDĐ số AI 361071 thửa đất 1164 có diện tích 128,1m²; GCNQSDĐ số AK 064434 gồm 03 thửa đất 1108,1109,1107 có tổng diện tích 239,9m². Sau khi ông T1 chết bà Lục Thị U đã thay đổi di chúc để lại tài sản cho anh Lệnh Thế Đ3. Ngoài ra bố anh (ông Đ1) có đơn phản tố đề nghị di chúc ông T1, bà U lập ngày 23/12/2009 không có hiệu lực vì chị vi phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng đối với người để lại di sản. Tại phiên tòa bố anh còn cho biết khi ông T1 chết bà U là người đứng ra tổ chức đám tang, khi bà U chết năm 2015 bố anh và dòng họ làm ma tại nhà anh Đ3, sau đó việc thờ cúng theo phong tục địa phương, chăm sóc mộ phần hằng năm đều do anh Đ3 lo liệu. Hiện nay nếu chị T có thiện chí thì đề nghị chia đôi diện tích các loại đất ông T1 và bà U để lại, nếu không nhất trí đề nghị giải quyết theo pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lệnh Thế Đ3 trình bày:

Khi ông Lệnh Hậu T1 mất, bà U và gia đình anh đứng ra tổ chức đám tang theo phong tục địa phương cho ông T1, bà U ban đầu ở một mình chị T

không ở cùng, sau đó vợ chồng anh hàng ngày cơm nước cho bà, đến ngày 25/7/2010 bà U là chủ hộ hợp gia đình không chấp nhận chị T là con nuôi, đến ngày 01/10/2010 đã lập di chúc để lại toàn bộ tài sản cho anh gồm: GCNQSDĐ các số AK 064411, AK 064412, AK 064413, AK 064434, AK 064435, AK 064436, AI 361071, AK 064356, AK 064355, 01 nhà sản gỗ 3 gian 2 trái tường trình đất. Ngoài ra, di chúc còn ghi rõ đất vườn rừng và đất 5% để lại do dòng tộc, gia đình sử dụng chung, Đồng thời, anh là người thừa kế có trách nhiệm phụng dưỡng bà U và tài sản thừa kế chỉ được sử dụng, không được chuyển nhượng cho người khác. Việc hợp gia đình và lập di chúc có người làm chứng, sau đó anh nhận trách nhiệm chăm sóc bà Lục Thị U đến khi bà U chết. Về ngôi nhà của anh là xây dựng năm 2012 trên đất của bà Lương Thị L1 là bà nội của anh Đ3, khi xây dựng ngôi nhà này anh đã báo với trưởng thôn. Hiện nay anh đi làm ăn xa, ngôi nhà và các diện tích đất đang tranh chấp đều do ông Lệnh Hậu Đ1 quản lý, sử dụng. Anh không nhất trí với yêu cầu đòi lại toàn bộ tài sản thừa kế của chị T vì trong thời gian chăm sóc bà U, bà đã lập lại di chúc để lại toàn bộ tài sản của ông bà để cho anh quản lý, sử dụng. Ngoài ra, khi bà U lập di chúc cho anh được hưởng di sản anh đã tạo dựng được tài sản trên thửa số 1102, tờ bản đồ số 55, GCNQSDĐ số AK 064435 gồm:

- Kè bờ ao xây đá hộc vữa 50# chiều dày 30cm, cao 1m, tổng chiều dài 32,2m có giá trị: $9,7m^3 \times 678.000^d \times 1,1 = 7.234.260$ đồng. Giá trị còn lại: $7.234.260^d \times 30\% = 2.170.278$ đồng

- Nhà 01 tầng, mái chày, xây gạch bi, mái fibro xi măng, kích thước 9,1m x 6,9m: 33,3% có giá trị: $62,8m^2 \times 2.338.000^d \times 1,1 = 161.509.040$ đồng. Giá trị còn lại $161.509.040^d \times 33,3\% = 53.782.510$ đồng

- Nhà 01 tầng, mái chày, xây gạch bi, mái tôn, kích thước 5,0m x 6,9m: 33,3% có giá trị: $34,5m^2 \times 2.338.000^d \times 1,1 = 88.727.100$ đồng. Giá trị còn lại $88.727.100 \times 33,3\% = 29.546.124$ đồng.

- Chuồng nuôi gia súc, xây gạch, nền bê tông, mái fibro xi măng, kích thước 3,9m x 6,9m: 33,3% có giá trị: $26,9m^2 \times 912.000^d \times 1,1 = 26.986.080$ đồng. Giá trị còn lại $26.986.080^d \times 33,3\% = 8.986.364$ đồng.

Tổng cộng: 110.678.076 đồng.

Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2024/DSTC-ST ngày 05/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, 35, 39, 144, 147, 157, 158, 165 và Điều 166 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 646, 647, 648, 649, 650, 652, 653, 663, 664, 668, và 670 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 59, Điều 66 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần khởi kiện của chị Lệnh Thị T về việc được hưởng di sản của ông T1, bà U để lại.

Chấp nhận một phần phản tố của ông Lệnh Hậu Đ1 nộp ngày 07/9/2023 về việc không chấp nhận chị T được hưởng toàn bộ tài sản của ông T1, bà U để lại.

Chấp nhận một phần yêu cầu của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lệnh Thế Đ3 được hưởng di sản của bà Lục Thị Ư để lại.

- Giao cho chị Lệnh Thị T được quyền quản lý, sử dụng các tài sản sau:

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 064355, tờ bản đồ số 46, có địa chỉ tại thôn N, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Hà Giang, gồm các thửa: 580, 457, 716, 578. Tổng diện tích 1057,9m² trị giá 53.970.800 đồng.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 064356, tờ bản đồ số 46, có địa chỉ tại thôn N, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Hà Giang, số thửa: số 300, Loại đất trồng cây hàng năm khác; diện tích: 504,2m², trị giá: 26.218.400 đồng.

+ Diện tích đất tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 064411, tờ bản đồ số 54 do UBND huyện Q, tỉnh Hà Giang cấp ngày 14/12/2006: gồm 3 thửa: 869, 870, 894. Tổng diện tích 577,3m², trị giá: 31.751.500 đồng

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 064413, tờ bản đồ số 54 do UBND huyện Q, tỉnh Hà Giang cấp ngày 14/12/2006: gồm 3 thửa: 881, 897, 898. Tổng diện tích: 537m², trị giá: 29.535.000 đồng.

+ Diện tích đất tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 064434, tờ bản đồ số 55 do UBND huyện Q, tỉnh Hà Giang cấp ngày 14/12/2006: gồm 3 thửa: 1108, 1107, 1109. Tổng diện tích: 239,9m², trị giá: 13.194.500 đồng.

+ Diện tích đất tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 361071, tờ bản đồ số 55 do UBND huyện Q, tỉnh Hà Giang cấp ngày 14/12/2006: gồm 1 thửa: 1164, diện tích 128,1m², trị giá: 7.045.500 đồng.

+ Diện tích đất rừng trồng phòng hộ thửa 443, tờ bản đồ số 01 địa chỉ thôn N, thị trấn T, huyện Q. tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 185991, diện tích 5.365m², trị giá 159.054.000 đồng.

Tổng trị giá: 320.768.200 đồng.

- Giao cho anh Lệnh Thế Đ3 được quản lý, sử dụng các tài sản sau:

+ Diện tích đất tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 064412, tờ bản đồ số 54 do UBND huyện Q, tỉnh Hà Giang cấp ngày 14/12/2006: gồm 8 thửa: 905, 907, 908, 913, 914, 915, 930, 933. Tổng diện tích 958m² và tài sản trên đất trị giá: 234.461.000 đồng.

+ Diện tích đất tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 064436, tờ bản đồ số 55 do UBND huyện Q, tỉnh Hà Giang cấp ngày 14/12/2006: gồm 9 thửa: 1046, 967, 960, 880, 963, 962, 961, 879, 965. Tổng diện tích: 2.267,4m², trị giá: 124.707.000 đồng

+ Diện tích đất tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 064435, tờ bản đồ số 55 do UBND huyện Q, tỉnh Hà Giang cấp ngày 14/12/2006: gồm các 2 thửa: 1100, 1102. Tổng diện tích 823,8m² trị giá: 44.374.800 đồng.

Tổng trị giá: 403.542.800 đồng.

Cơ quan nhà nước có thẩm quyền lập hồ sơ địa chính cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quyết định này.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 20/9/2024, nguyên đơn chị Lệnh Thị T có đơn kháng cáo đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2024/DSTC-ST ngày 05/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Quản Bạ, tỉnh Hà Giang với nội dung: đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tiến hành giám định tuổi mực của bản di chúc ghi ngày 01/10/2010 mà phía bị đơn cung cấp; xem xét lại những tài sản giao cho anh Lệnh Thế Đ3 quản lý và sử dụng.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, chị Lệnh Thị T có đơn đề nghị Tòa án trung cầu giám định đối với chữ ký "Ười" trong bản di chúc thừa kế lập ngày 01/10/2010, biên bản nuôi con nuôi ngày 25/7/2010 so với chữ ký "Ười" trong văn bản di chúc, giấy uỷ quyền do ông T1, bà Ư lập ngày 23/12/2009 để có cơ sở giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn tiếp tục xác nhận xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với thửa đất số 150 tờ bản đồ số 46, diện tích 635,7m² tại GCNQSDĐ số AK064356 và yêu cầu ông Đ1 bồi thường 277.000.000 đồng.

Đối với nội dung kháng cáo, nguyên đơn xin rút nội dung kháng cáo đối với yêu cầu xem xét giám định tuổi mực của bản di chúc ghi ngày 01/10/2010 mà phía bị đơn cung cấp; giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại những tài sản giao cho anh Lệnh Thế Đ3 quản lý và sử dụng.

Bị đơn, người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không nhất trí với nội dung kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang có ý kiến:

Về tố tụng: quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Tại đơn khởi kiện ngày 11/3/2024 của chị T (bút lục số 450-451): Chị T không xác định người bị kiện là ai; chị T đề nghị được hưởng di chúc của ông T1, bà Ư. Vụ án có 02 di chúc gồm: Di chúc ngày 23/12/2009 của ông T1, bà Ư và di chúc ngày 01/10/2010 của bà Ư. Theo di chúc ngày 01/10/2010, bà Ư để lại tài sản cho anh Đ3 thừa kế. Trong vụ án này, ông Lệnh Hậu Đ1 không được hưởng di sản thừa kế và không phải thực hiện nghĩa vụ gì nên ông Đ1 không phải là bị đơn trong vụ án và không có quyền phản tố. Vì vậy, xác định bị đơn là anh Lệnh Thế Đ3 mới đúng quy định tại khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong bản án sơ thẩm nhận định: *"Nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện được hưởng thửa đất số 150 tờ bản đồ số 46, diện tích 635,7m² tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK064356 và yêu cầu ông Đ4 bồi thường 277.000.000 đồng. Căn cứ khoản 4 Điều 224 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện trên"*. Tuy nhiên, phần quyết định của bản án không áp dụng căn cứ khoản 2 Điều 224 Bộ luật tố tụng dân sự và đình chỉ việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của chị T là thiếu sót.

Về nội dung:

Đối với hiệu lực của 02 di chúc: di chúc ngày 23/12/2009 của ông T1, bà Ư có người làm chứng là ông Nguyễn Đình K1, ông Hạng Mí V. Di chúc

ngày 01/10/2010 của bà U' có 02 người làm chứng là ông Nguyễn Minh C, ông Cao Đình V1. Những người làm chứng của cả 02 di chúc nêu trên đều xác nhận sau khi lập di chúc ông T1, bà U' đều ký trước mặt những người làm chứng.

Về phân chia di sản: các đương sự đều thừa nhận anh Đ3 đã trực tiếp chăm sóc bà U' từ năm 2010 đến khi bà U' chết vào tháng 02/2015, gia đình ông Đ4 và anh Đ3 đã đứng ra mai táng cho bà U'. Anh Đ3 thờ cúng chăm sóc phần mộ ông T1, bà U' từ đó cho đến nay. Do vậy, việc Tòa án sơ thẩm giao cho anh Đ3 được hưởng phần nhiều hơn so với phần được hưởng theo di chúc, phù hợp với thực tế và đúng với di nguyện của bà U' là có căn cứ.

Do đó, không có căn cứ để chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn chị Lệnh Thị T.

Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm có thiếu sót là xác định không đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; có sai sót trong việc cộng tổng giá trị tài sản, cụ thể: di sản của ông T1, bà U' có tổng giá trị là 724.514.410 đồng, chứ không phải là 724.313.410 đồng như trong bản án sơ thẩm; nội dung sai sót này dẫn đến việc xác định trách nhiệm chịu chi phí tố tụng, án phí không chính xác.

Từ các căn cứ trên, đề nghị HĐXX căn cứ áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2024/DS-ST ngày 05/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Quản Bạ, tỉnh Hà Giang.

- Áp dụng khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lệnh Thị T đối với yêu cầu được hưởng di sản thừa kế đối với thửa đất số 150, tờ bản đồ số 46, diện tích 635,7m² tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 064356 và yêu cầu ông Đ1 bồi thường số tiền 277.000.000 đồng do chị Lệnh Thị T rút một phần yêu cầu.

- Áp dụng khoản 3 Điều 284 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ một phần nội dung kháng cáo đối với yêu cầu xem xét giám định tuổi mục của bản di chúc ghi ngày 01/10/2010.

- Chấp nhận một phần khởi kiện của chị Lệnh Thị T về việc được hưởng di sản của ông T1, bà U' để lại.

- + Tuyên bố bản di chúc của ông T1, bà U' lập ngày 23/12/2009 có hiệu lực một phần đối với phần tài sản của ông Lệnh Hậu T1.

- + Tuyên bố bản di chúc của bà Lục Thị U' lập ngày 01/10/2010 có hiệu lực một phần đối với phần tài sản của bà Lục Thị U'.

- * Chia cho chị Lệnh Thị T được quyền quản lý, sử dụng các tài sản sau:

- + Diện tích 1.037,9m² đất, thửa đất số 457, 580, 716, 578; tờ bản đồ số 46 tại thôn N, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Hà Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 064355, có giá trị 53.970.800 đồng.

- + Diện tích 504,2m² đất, thửa đất số 300, tờ bản đồ số 46 tại thôn N, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Hà Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 064356, có giá trị: 26.218.400 đồng.

+ Diện tích 577,3m² đất, thửa đất số 869, 870, 894; tờ bản đồ số 54 tại thôn N, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Hà Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 064411, có giá trị: 31.751.500 đồng.

+ Diện tích 537m² đất, thửa đất số 881, 897, 898; tờ bản đồ số 54 tại thôn N, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Hà Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 064413, có giá trị: 29.535.000 đồng.

+ Diện tích 239,9m² đất, thửa đất số 1107, 1108, 1109; tờ bản đồ số 55 tại thôn N, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Hà Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 064434, có giá trị: 13.194.500 đồng.

+ Diện tích 128,1m² đất, thửa đất số 1164, tờ bản đồ số 55 tại thôn N, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Hà Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 361071, có giá trị: 7.045.500 đồng.

+ Diện tích 5.365m² đất rừng trồng phòng hộ, thửa đất số 443, tờ bản đồ số 01 tại thôn N, thị trấn T, huyện Q theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 185991, có giá trị 159.054.000 đồng.

Tổng giá trị di sản chị T được hưởng là: 320.769.700 đồng.

* Chia cho anh Lệnh Thế Đ3 được quản lý, sử dụng các tài sản sau:

+ Diện tích 958m² đất, thửa đất số 905, 907, 908, 913, 914, 915, 930, 933; tờ bản đồ số 54 tại thôn N, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Hà Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 064412 và tài sản trên đất giá trị: 234.662.910 đồng.

+ Diện tích 2.267,4m² đất, thửa đất số 879, 880, 960, 961, 962, 963, 965, 967, 1046; tờ bản đồ số 55 tại thôn N, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Hà Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 064436, có giá trị: 124.707.000 đồng.

+ Diện tích 823,8m² đất, thửa đất số: 1100, 1102; tờ bản đồ số 55 tại thôn N, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Hà Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 064435, có giá trị: 44.374.800 đồng.

Tổng giá trị di sản anh Đ3 được hưởng là: 403.744.710 đồng.

Các đương sự có trách nhiệm liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án.

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Số tiền chi phí thẩm định, định giá là: 13.200.000 đồng. Chị T được hưởng di chúc chiếm tỷ lệ 44,3% phải chịu 5.847.600 đồng được khấu trừ vào tiền tạm ứng thẩm định, định giá đã nộp. Anh Đ3 được hưởng di chúc chiếm tỷ lệ 55,7% phải chịu 7.352.400 đồng tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản. Do chị T đã nộp toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản nên anh Đ3 phải hoàn trả cho chị T số tiền 7.352.400 đồng.

- Về chi phí giám định: chị T phải chịu chi phí giám định là 877.500 đồng (chị T đã thi hành xong).

- Về án phí: Chị Lệnh Thị T phải chịu 16.038.000 đồng án phí dân sự có giá ngạch được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.000.000 đồng theo

biên lai thu tiền tạm ứng án phí số BB/2013/05062 ngày 09/12/2020. Chị T còn phải nộp 6.038.000 đồng.

Anh Lệnh Thế Đ3 phải chịu 20.187.000 đồng án phí dân sự có giá ngạch.

Ông Lệnh Hậu Đ1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại ông Đ1 300.000 đồng tiền tạm ứng phản tố đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quản Bạ ngày 07/09/2023 theo biên lai số 0004550.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: căn cứ khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: chị Lệnh Thị T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, trả lại số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0002822 ngày 25/9/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quản Bạ, tỉnh Hà Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tại phiên tòa. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: kháng cáo của nguyên đơn chị Lệnh Thị T làm trong hạn luật định quy định tại Điều 271, Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về xác định tư cách tham gia tố tụng: tại phiên tòa phúc thẩm chị Lệnh Thị T xác nhận nội dung, yêu cầu khởi kiện của chị là yêu cầu công nhận bản di chúc ngày 23/12/2009 của ông T1, bà U có hiệu lực pháp luật và yêu cầu ông Lệnh Hậu Đ1 trả lại tài sản là di sản thừa kế cho chị T quản lý, sử dụng theo nội dung di chúc ngày 23/12/2009, vì theo chị T số tài sản này đang bị ông Lệnh Hậu Đ1 chiếm giữ. Tại phiên tòa phúc thẩm ông Lệnh Hậu Đ1, anh Lệnh Thế Đ3 đều xác nhận số tài sản là diện tích đất do bà Lục Thị U để lại theo di chúc lập ngày 01/10/2010 do anh Lệnh Thế Đ3 quản lý, sử dụng từ năm 2010 cho đến nay; ông Đ1 có liên quan đến việc tổ chức đám ma khi ông T1, bà U mất; có sự việc ông Đ1 và gia đình ngăn cản cho chị T tham gia đám ma của ông T1, bà U; việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông Đ1 là bị đơn là không đúng, nhưng cũng không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự và không làm thay đổi bản chất nội dung của vụ án. Mặt khác, Tòa án cấp sơ thẩm đã đưa anh Lệnh Thế Đ3 vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến phần tài sản là di sản thừa kế; sau phiên tòa sơ thẩm ông Lệnh Hậu Đ1, anh Lệnh Thế Đ3 không kháng cáo, các đương sự khác trong vụ án không có ý kiến về nội dung này; bản chất nội dung, yêu cầu khởi kiện của chị T là tranh chấp tài sản thừa kế. Do đó, HĐXX xét thấy không cần thiết phải thay đổi tư cách tham gia tố tụng của ông Đ1, anh Đ3 trong vụ án này.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm vắng mặt ông Lương Thành Đ luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, vắng mặt ông Ngô Trung K luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn (cả hai luật sư đều có đơn xin xét

xử vắng mặt). Tuy nhiên, có mặt luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là bà Nguyễn Thanh H; đồng thời tại phiên toà nguyên đơn (người kháng cáo), bị đơn đều nhất trí và đề nghị tiếp tục xét xử. HĐXX xét thấy những người này vắng mặt không làm ảnh hưởng đến việc xét xử. Do đó, HĐXX quyết định tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[4] Xét nội dung kháng cáo của chị Lệnh Thị T

[5] Về hiệu lực của bản di chúc được ông T1, bà U lập vào ngày 23/12/2009: bản di chúc được ông Lệnh Hậu T1 và bà Lục Thị U lập vào ngày 23/12/2009 có 02 người làm chứng là ông Nguyễn Đình K1, ông Hạng Mí V với nội dung để lại toàn bộ tài sản cho chị Lệnh Thị T với điều kiện chị phải có nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, thờ cúng khi ông bà qua đời, đây là di chúc có điều kiện, là di chúc chung của vợ chồng. Bản di chúc này được 02 người làm chứng xác nhận là khi lập di chúc ông T1, bà U đều tỉnh táo, minh mẫn và ký vào bản di chúc, ông K1, ông V được ký vào bản di chúc này; nội dung bản di chúc đúng theo quy định tại Điều 653 Bộ luật Dân sự năm 2005. Như vậy, bản di chúc của ông T1, bà U lập vào ngày 23/12/2009 là hợp pháp theo quy định tại 650, 652, 653, 656, 663, 668 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[6] Đối với bản di chúc được bà U lập vào ngày 01/10/2010

[7] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà phúc thẩm nguyên đơn chị Lệnh Thị T, luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị T cho rằng bản di chúc ngày 01/10/2010 của bà U được lập khi bà U không còn tỉnh táo, minh mẫn; di chúc thừa kế của bà U có nội dung như cuộc họp gia đình không phản ánh, thể hiện đúng ý chí chủ quan của bà U; việc lập di chúc là do ông Đ1 và anh em gia đình lập ra sau năm 2020; không nhất trí với việc Toà án cấp sơ thẩm chia phần tài sản nhiều hơn cho anh Đ3 so với chị T. Do đó, đề nghị tuyên bố bản di chúc của bà U lập vào ngày 01/10/2010 không hợp pháp.

[8] Đối với nội dung này HĐXX thấy rằng

[9] Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện: theo lời khai của ông Nguyễn Minh C, ông Cao Đình V1 đều xác nhận khi bà U lập di chúc vào ngày 01/10/2010, hai ông được mời đến chứng kiến việc lập di chúc; ông C, ông V1 xác nhận khi bà U lập di chúc có lập biên bản với sự có mặt của anh em bên phía ông T1; ông C, ông V1 đều xác nhận khi lập di chúc bà U hoàn toàn minh mẫn, tỉnh táo và có được ký vào bản di chúc; nội dung bản di chúc là giao lại toàn bộ tài sản của ông T1, bà U cho anh Lệnh Thế Đ3 (con trai ông Lệnh Hậu Đ1) quản lý, sử dụng, anh Đ3 có trách nhiệm phụng dưỡng, chăm sóc bà U; sau ngày 01/10/2010 anh Đ3 đã ở cùng và chăm sóc bà U cho đến khi bà U mất vào năm 2015 (bút lục 382, 389). Ngoài ra, sau khi ông T1 chết, vào năm 2011, 2012 bà U đã trực tiếp đứng ra chuyển nhượng đất của gia đình (đứng tên ông Lệnh Hậu T1) cho vợ chồng ông Hoàng Đức D và bà Séo Thị X với giá là 60.000.000 đồng, khi ký kết và làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất bà U hoàn toàn minh mẫn, tỉnh táo (bút lục 384). Nội dung này chứng minh trước, trong và sau khi lập bản di chúc vào ngày 01/10/2010 bà Lục Thị U hoàn toàn bình thường, tỉnh táo và minh mẫn.

[10] Mặc dù, bản di chúc thừa kế của bà Lục Thị Ư lập vào ngày 01/10/2010 có sự tham gia của các ông bà Lệnh Thị L2, Lệnh Hồng H, Lệnh Hậu Đ1, Lệnh Hậu T, Lệnh Hậu S là anh em ruột của ông Lệnh Hậu T1 và anh Lệnh Thế T3, anh Lệnh Thế Đ3, chị Lệnh Thị L3. Tuy nhiên, bản di chúc lập ngày 01/10/2010 có đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều 653 Bộ luật Dân sự năm 2005, nội dung bản di chúc không trái với pháp luật, đạo đức xã hội, hình thức bảo đảm đúng quy định của pháp luật; khi lập di chúc bà Ư hoàn toàn minh mẫn, tỉnh táo (nội dung này được chứng minh tại đoạn [9] nêu trên).

[11] Quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm chị Lệnh Thị T có yêu cầu đề nghị Toà án trung cầu giám định đối với chữ ký "Ười" trong bản di chúc thừa kế lập ngày 01/10/2010, biên bản nuôi con nuôi ngày 25/7/2010 so với chữ ký "Ười" trong văn bản di chúc, giấy uỷ quyền do ông T1, bà Ư lập ngày 23/12/2009. Tại Kết luận giám định số 163/KL-KTHS ngày 22/4/2025 của Phòng K2, Công an tỉnh H, kết luận: *"Không đủ cơ sở kết luận chữ ký đứng tên Lục Thị Ư trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký đứng tên Lục Thị Ư trên mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 có phải do cùng một người ký ra không"*.

[12] Ngoài ra, phía nguyên đơn không có tài liệu nào chứng minh khi lập di chúc ngày 01/10/2010 bà Ư không tỉnh táo, minh mẫn; nội dung bản di chúc là do bị cưỡng ép, đe dọa hoặc lừa dối. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận ý kiến, quan điểm của nguyên đơn và luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

[13] Về thời điểm phát sinh hiệu lực của di chúc: ông T1 chết vào tháng 5/2010, bà Ư chết vào tháng 3/2015, do vậy theo quy định tại Điều 668 Bộ luật Dân sự năm 2005 thời điểm di chúc có hiệu lực kể từ sau thời điểm bà Ư chết (ngày 06/3/2015).

[14] Xác định tài sản là di sản thừa kế của ông Lệnh Hậu T1 và bà Lục Thị Ư để lại:

[15] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà phúc thẩm các bên đều nhất trí với kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản trong quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm không có ý kiến, yêu cầu gì thêm. Do đó, tài sản là di sản thừa kế của ông Lệnh Hậu T1 và bà Lục Thị Ư đã được xác định tại nội dung đoạn [7] của Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2024/DS-ST ngày 05/9/2024 của Toà án nhân dân huyện Quản Bạ, tỉnh Hà Giang.

[16] Di chúc của ông Lệnh Hậu T1 và bà Lục Thị Ư lập ngày 23/12/2009 được xác định là di chúc chung của vợ chồng và hợp pháp có nội dung giao toàn bộ tài sản cho chị T quản lý, sử dụng.

[17] Sau khi ông Lệnh Hậu T1 chết, ngày 01/10/2010 bà Lục Thị Ư lập di chúc để lại toàn bộ tài sản cho anh Lệnh Thế Đ3 quản lý, sử dụng; di chúc của bà Ư được xác định là hợp pháp. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 2 Điều 664 Bộ luật Dân sự năm 2005 thì: *"... nếu một người đã chết thì người kia chỉ được sửa đổi, bổ sung di chúc có liên quan đến phần tài sản của mình"*. Từ quy định nêu trên thì bà Lục Thị Ư chỉ được quyền sửa đổi, bổ sung di chúc liên quan đến phần tài sản của mình (tức là 1/2 tài sản là di sản thừa kế của ông Lệnh Hậu T1 và bà Lục Thị Ư). Như vậy, xác định di chúc do bà Lục Thị Ư lập ngày

01/10/2010 có hiệu lực đối với phần tài sản của bà U trong khối tài sản chung của vợ chồng đã được xác định là di sản thừa kế. Đồng thời, xác định di chúc của ông Lệnh Hậu T1 và bà Lục Thị U lập ngày 23/12/2009 có hiệu lực đối với phần tài sản của ông T1 trong khối tài sản chung của vợ chồng đã được xác định là di sản thừa kế.

[18] Do đó, cần xác định chị Lệnh Thị T được hưởng phần di sản thừa kế của ông Lệnh Hậu T1, còn anh Lệnh Thế Đ3 được hưởng phần di sản thừa kế của bà Lục Thị U để lại.

[19] Tuy nhiên, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện khi ông Lệnh Hậu T1 chết, gia đình ông Lệnh Hậu Đ1, anh Lệnh Thế Đ3, cùng với bà Lục Thị U đứng ra tổ chức đám ma; sau khi ông T1 mất, anh Đ3 là người trực tiếp chăm sóc bà U từ năm 2010 đến khi bà U chết vào tháng 02/2015, khi bà U chết gia đình ông Đ1 và anh Đ3 đã đứng ra mai táng cho bà U; anh Đ3 là người thờ cúng chăm sóc phần mộ ông T1, bà U từ đó cho đến nay. Do vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm giao cho anh Đ3 được hưởng phần tài sản nhiều hơn so với phần được hưởng theo di chúc là hợp tình, hợp lý, phù hợp với thực tế và đúng với di nguyện của bà U.

[20] Từ những nhận định, căn cứ nêu trên HĐXX xét thấy nội dung kháng cáo của chị Lệnh Thị T là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[21] Về chi phí giám định: trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm chị Lệnh Thị T có yêu cầu trưng cầu giám định chữ ký của bà U, Tòa án đã tiến hành trưng cầu giám định, kết quả giám định xác định: *“Không đủ cơ sở kết luận chữ ký đứng tên Lục Thị U trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký đứng tên Lục Thị U trên mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 có phải do cùng một người ký ra không”*. Do đó, chị T phải chịu khoản tiền chi phí giám định là 877.500 đồng, xác nhận chị T đã thi hành xong.

[22] Trong quá trình xét xử sơ thẩm, ngày 23/01/2024 nguyên đơn là chị Lệnh Thị T rút yêu cầu khởi kiện đối với thửa đất số 150 tờ bản đồ số 46, diện tích 635,7m² tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK064356 và rút yêu cầu ông Đ1 bồi thường số tiền là 277.000.000 đồng. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm không căn cứ khoản 4 Điều 224 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu khởi kiện nêu trên của chị T trong phần quyết định của bản án là thiếu sót.

[23] Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn có nhầm lẫn, sai sót trong việc tính toán xác định giá trị tài sản thừa kế, cụ thể: di sản của ông T1, bà U có tổng giá trị là 724.514.410 đồng, chứ không phải là 724.313.410 đồng như trong bản án sơ thẩm; nội dung sai sót này dẫn đến việc xác định trách nhiệm chịu chi phí tố tụng, án phí không chính xác. Do đó, HĐXX xét thấy cần sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2024/DS-ST ngày 05/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Quản Bạ, tỉnh Hà Giang về phần xác định giá trị tài sản là di sản thừa kế; chi phí tố tụng, án phí cho phù hợp.

[24] Chấp nhận một phần ý kiến, quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[25] Không chấp nhận ý kiến, quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn tại phiên tòa.

[26] Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[27] Về án phí phúc thẩm: do cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm có liên quan đến nội dung kháng cáo, nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lệnh Thị T đối với yêu cầu được hưởng di sản thừa kế đối với thửa đất số 150, tờ bản đồ số 46, diện tích 635,7m² tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 064356 và yêu cầu ông Đ1 bồi thường số tiền 277.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 3 Điều 284 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ một phần nội dung kháng cáo của chị Lệnh Thị T đối với yêu cầu xem xét giám định tuổi mực của bản di chúc ghi ngày 01/10/2010.

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2024/DSTC-ST ngày 05/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Quản Bạ, tỉnh Hà Giang về phần giá trị tài sản là di sản thừa kế, chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm.

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, 35, 39, 144, 147, 157, 158, 161, 165, 166 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 646, 647, 648, 649, 650, 652, 653, 654, 656, 663, 664, 668 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 166, 167, 188 Luật Đất đai năm 2013; Điều 59, Điều 66 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26, khoản 7 Điều 27, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lệnh Thị T về việc được hưởng di sản của ông Lệnh Hậu T1, bà Lục Thị Ư để lại.

Tuyên bố bản di chúc của ông T1, bà Ư lập ngày 23/12/2009 có hiệu lực một phần đối với phần tài sản của ông Lệnh Hậu T1 trong khối tài sản chung của vợ chồng.

Tuyên bố bản di chúc của bà Lục Thị Ư lập ngày 01/10/2010 có hiệu lực một phần đối với phần tài sản của bà Lục Thị Ư trong khối tài sản chung của vợ chồng.

1.1. Chia cho chị Lệnh Thị T được quyền quản lý, sử dụng các tài sản sau:

+ Diện tích 1.037,9m² đất, thửa đất số 457, 580, 716, 578; tờ bản đồ số 46 tại thôn N, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Hà Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 064355, có giá trị 53.970.800 đồng.

+ Diện tích 504,2m² đất, thửa đất số 300, tờ bản đồ số 46 tại thôn N, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Hà Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 064356, có giá trị: 26.218.400 đồng.

+ Diện tích 577,3m² đất, thửa đất số 869, 870, 894; tờ bản đồ số 54 tại thôn N, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Hà Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 064411, có giá trị: 31.751.500 đồng.

+ Diện tích 537m² đất, thửa đất số 881, 897, 898; tờ bản đồ số 54 tại thôn N, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Hà Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 064413, có giá trị: 29.535.000 đồng.

+ Diện tích 239,9m² đất, thửa đất số 1107, 1108, 1109; tờ bản đồ số 55 tại thôn N, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Hà Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 064434, có giá trị: 13.194.500 đồng.

+ Diện tích 128,1m² đất, thửa đất số 1164, tờ bản đồ số 55 tại thôn N, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Hà Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 361071, có giá trị: 7.045.500 đồng.

+ Diện tích 5.365m² đất rừng phòng hộ, thửa đất số 443, tờ bản đồ số 01 tại thôn N, thị trấn T, huyện Q theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 185991, có giá trị 159.054.000 đồng.

Tổng giá trị di sản chị T được hưởng là: 320.769.700 đồng.

Có trích lục các thửa đất kèm theo.

1.2. Chia cho anh Lệnh Thế Đ3 được quyền quản lý, sử dụng các tài sản sau:

+ Diện tích 958m² đất, thửa đất số 905, 907, 908, 913, 914, 915, 930, 933; tờ bản đồ số 54 tại thôn N, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Hà Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 064412 và tài sản trên đất giá trị: 234.662.910 đồng.

+ Diện tích 2.267,4m² đất, thửa đất số 879, 880, 960, 961, 962, 963, 965, 967, 1046; tờ bản đồ số 55 tại thôn N, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Hà Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 064436, có giá trị: 124.707.000 đồng.

+ Diện tích 823,8m² đất, thửa đất số: 1100, 1102; tờ bản đồ số 55 tại thôn N, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Hà Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 064435, có giá trị: 44.374.800 đồng.

Tổng giá trị di sản anh Đ3 được hưởng là: 403.744.710 đồng.

Có trích lục các thửa đất kèm theo.

1.3. Các đương sự có quyền và nghĩa vụ liên hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của pháp luật.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: tổng số tiền chi phí thẩm định, định giá là 13.200.000 đồng. Chị T được hưởng di chúc chiếm tỷ lệ 44,3% phải chịu 5.847.600 đồng được khấu trừ vào tiền tạm ứng thẩm định, định giá đã nộp. Anh Đ3 được hưởng di chúc chiếm tỷ lệ 55,7% phải chịu 7.352.400 đồng tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản. Do chị T đã nộp toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản nên anh Đ3 phải hoàn trả cho chị T số tiền 7.352.400 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp có quy định khác.

3. Về chi phí giám định: chị T phải chịu chi phí giám định là 877.500 đồng, xác nhận chị T đã thi hành xong.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm

4.1. Chị Lệnh Thị T phải chịu 16.038.000 đồng án phí dân sự có giá ngạch được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.000.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số BB/2013/05062 ngày 09/12/2020. Chị T còn phải nộp số tiền là 6.038.000 đồng.

4.2. Anh Lệnh Thế Đ3 phải chịu 20.187.000 đồng án phí dân sự có giá ngạch.

4.3. Ông Lệnh Hậu Đ1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại ông Đ1 300.000 đồng tiền tạm ứng phần tố đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q ngày 07/09/2023 theo biên lai số 0004550.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: căn cứ khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: chị Lệnh Thị T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, trả lại số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0002822 ngày 25/9/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quản Bạ, tỉnh Hà Giang.

6. Các nội dung khác của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Các đương sự;
- TAND huyện Q;
- Chi cục THA.DS huyện Q;
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Mạnh Cường